TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2024/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 05 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 48/2024/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Hương S, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: thôn Nà Tuộc, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú: tổ 4, khu 1, phường X, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: thôn Nà Tuộc, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú: tổ 4, khu 1, phường X, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Hương S và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Hương S và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Hương S và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Minh L, sinh ngày 30/10/2019. Chị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Minh L cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị S mỗi tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: không có.

- Về khoản nợ chung: không có.

3. Về án phí: chị Nguyễn Hương S tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000529 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Hồng